

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ (Sửa đổi, bổ sung lần 1)

**HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 07/2015/TB-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-YDHP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung, quy định xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học, sau đại học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-YDHP ngày 10 tháng 07 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy định Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-YDHP ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ (sửa đổi, bổ sung lần 1);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học – Đào tạo ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ;

Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo đại học, Trưởng các Khoa/Bộ môn.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Có nội dung kèm theo)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và được áp dụng thực hiện từ năm học 2020 – 2021.

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo Đại học, Khoa, Bộ môn và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu Website trường;
- Lưu ĐTDH, VT.



**CHUẨN ĐÀU RA CỦA NGÀNH RĂNG HÀM MẶT  
HỆ CHÍNH QUY 6 NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 07 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- Ngành đào tạo:** Răng hàm mặt (Odonto-Stomatology)
- Trình độ đào tạo:** Đại học
- Về kiến thức**

Năng lực cần đạt	Thang điểm bloom
KT1. Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở làm nền tảng cho thực hành nha khoa	K3
KT2. Giải thích các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị, môi trường và tâm sinh lý ảnh hưởng tới tình trạng sức khoẻ răng miệng của cá nhân và cộng đồng	K2/4
KT3. Phân tích quan niệm và những xu hướng mới trong can thiệp tối thiểu và chăm sóc răng miệng toàn diện cho cá nhân và cộng đồng tại Việt Nam và trên thế giới	K4
KT4. Giải thích được bệnh căn và bệnh sinh của các bệnh răng hàm mặt phổ biến và một số bệnh toàn thân liên quan.	K2
KT5. Phân tích được những chỉ định, chống chỉ định, nguyên tắc và quy trình điều trị các bệnh lý thông thường và chấn thương trong răng hàm mặt.	K4
KT6. Trình bày và vận dụng được nghiên cứu khoa học cơ bản và lâm sàng trong lĩnh vực RHM	K1/3
KT7. Mô tả được cấu trúc, chức năng, sự phát triển của hệ thống răng miệng (sọ mặt, bộ răng, khớp cắn...) qua các giai đoạn trong mối tương tác với môi trường, sự liên quan với các cơ quan khác để ứng dụng trong thực hành răng hàm mặt an toàn và hiệu quả (C3).	K1/3
KT8. Trình bày được thuốc và vật liệu thường được sử dụng trong bệnh lý răng hàm mặt dựa theo thành phần, đặc tính, tương hợp sinh học, chỉ định sử dụng và tương tác với môi trường.	K1
KT9. Liệt kê, giải thích chỉ định, nguyên tắc và quy trình thử những thử nghiệm lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và theo dõi các	K1/2/4



bất thường/ bệnh lý răng miệng, hàm mặt.	
KT10. Giải thích được công dụng và tác hại của bức xạ ion hoá lên mô sống. Vận dụng được các nguyên tắc an toàn bức xạ trong chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt.	K2/3
KT11. Vận dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ trong học tập, lưu trữ, trao đổi, xử lý thông tin vào chăm sóc sức khỏe răng miệng.	K3

#### 4. Về kỹ năng

Năng lực cần đạt	Thang điểm bloom
KN1. Vận dụng được kiến thức về khoa học hành vi, kỹ năng giao tiếp - ứng xử, tư vấn và các kiến thức tâm lý xã hội để thực hiện công tác dự phòng và chăm sóc sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng.	S4
KN2. Xử trí được các tình trạng chấn thương, bệnh lý, nhiễm trùng thông thường và đề xuất hội chẩn hoặc chuyển các trường hợp bệnh lý phức tạp liên quan đến răng hàm mặt.	S2
KN3. Thực hiện thành thạo kỹ thuật chụp một số phim XQ trong và ngoài miệng thông dụng và vận dụng một số nguyên tắc cơ bản kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh và XQ	S4
KN4. Phát hiện, chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và hồ sơ bệnh án chính xác các bệnh RHM thông thường.	S3
KN5. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật gây mê trong răng hàm mặt và kiểm soát được những biến chứng thường gặp của gây mê.	S4
KN6. Điều trị được các bệnh lý răng và quanh răng bằng phương pháp không phẫu thuật.	S2
KN7. Thực hiện được các phục hồi gián tiếp và trực tiếp, thay thế các răng mất bằng các phục hình cố định, hàm giả tháo lắp bán phần/ toàn phần, sửa chữa được phục hình sai quy và cung cấp cho bệnh nhân những kiến thức về bảo quản các phục hồi/ phục hình trong miệng .	S2
KN8. Thực hiện được các phẫu thuật thuật mô cứng và/hoặc mô mềm đơn giản vùng miệng-hàm mặt và xử trí được biến chứng thường gặp trong và sau phẫu thuật miệng, hàm mặt đơn giản.	S2
KN9. Kiểm soát được các tình huống cấp cứu y khoa và nha khoa thường gặp trong quá trình thực hành răng hàm mặt tổng quát.	S5
KN10. Chẩn đoán, xử trí và dự phòng được các vấn đề lệch lạc răng đơn giản.	S2
KN11. Thực hiện chính xác các quy định về môi trường lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn để tránh lây nhiễm chéo trong thực hành RHM.	S3

## 5. Về thái độ

Năng lực cần đạt	Thang điểm bloom
TĐ1. Tích cực tham gia học tập nâng cao kiến thức, thái độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp, cộng đồng và xã hội suốt đời.	A4
TĐ2. Tôn trọng quyền lợi của người bệnh, thực hiện những chọn lựa điều trị phù hợp với yêu cầu và điều kiện của người bệnh. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.	A2
TĐ3. Tuân thủ các quy định của pháp luật, chính sách y tế, các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề như giao tiếp, khám, lập hồ sơ bệnh án, chẩn đoán, tư vấn, điều trị và theo dõi bệnh nhân...	A2

## 6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Các cơ sở khám chữa bệnh ở các tuyến trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

## 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Bác sĩ nội trú
- Bác sĩ chuyên khoa I
- Bác sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ Y học
- Tiến sĩ Y học



## CHUẨN ĐÀU RA CỦA NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY 6 NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- Tên ngành đào tạo:** Y học dự phòng (Preventive Medicine)
- Trình độ đào tạo:** Đại học
- Kiến thức**

KT1. Trình bày được những nội dung cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ bản về cấu tạo và chức năng cơ thể người trong điều kiện bình thường và bệnh lý (giải phẫu học, mô học, sinh hóa học, sinh lý học, dược lý học, miễn dịch học, vi trùng học và ký sinh trùng học) và vận dụng được các kiến thức này trong phân tích triệu chứng học, dược lý học, bệnh học, chăm sóc, điều trị một số bệnh thường gặp và nghiên cứu khoa học.

KT2. Giải thích được các yếu tố gây bệnh, cơ chế gây bệnh và vận dụng được vào phân tích các triệu chứng, bệnh lý, chăm sóc, điều trị một số bệnh thường gặp và nghiên cứu khoa học.

KT3. Trình bày một số bệnh lý thường gặp: phân loại, triệu chứng.

KT4. Trình bày nguyên lý và ứng dụng của các xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp trong chẩn đoán và điều trị bệnh thường gặp của cộng đồng và định hướng một số bệnh chuyên khoa.

KT5. Vận dụng được các tiêu chuẩn chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và biện pháp phòng ngừa các bệnh thường gặp của cộng đồng.

KT6. Vận dụng kiến thức cơ bản về y học dự phòng để xác định các yếu tố của môi trường tự nhiên, xã hội, nghề nghiệp tác động đến sức khỏe của cộng đồng.

KT7. Vận dụng kiến thức về phát hiện và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng (Vấn đề sức khỏe liên quan môi trường, bệnh nghề nghiệp, dinh dưỡng- vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh, sức khỏe các lứa tuổi, y học biển đảo).

KT8. Vận dụng kiến thức về xây dựng kế hoạch y tế, kế hoạch hoạt động chuyên môn trong bối cảnh cụ thể của cơ sở y tế và cộng đồng.

KT9. Vận dụng phương pháp luận khoa học trong các nghiên cứu y học cơ bản.

KT10. Trình bày được chính sách pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### 4. Kỹ năng

#### 4.1. Kỹ năng chuyên ngành

KNCN1. Thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe cộng đồng và y tế công cộng.

KNCN2. Phát hiện, giám sát các yếu tố nguy cơ và nguyên nhân của các vấn đề sức khỏe cộng đồng và y tế công cộng.

KNCN3. Thực hiện kỹ thuật khai thác, thăm khám, phát hiện triệu chứng và chẩn đoán một số bệnh thường gặp.

KNCN4. Thực hiện được một số thăm dò và thủ thuật điều trị bệnh thông thường.

KNCN5. Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.

KNCN6. Xử trí các cấp cứu ban đầu và điều trị bệnh thường gặp.

KNCN7. Sử dụng các thiết bị y khoa cơ bản trong sơ cứu và cấp cứu một số vấn đề sức khỏe thường gặp.

KNCN8. Thực hiện được một số kỹ thuật, xét nghiệm cơ bản của y học dự phòng.

KNCN9. Đánh giá hiệu quả một số can thiệp y học dự phòng và y tế công cộng.

KNCN10. Chăm sóc, tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng trong quá trình điều trị, theo dõi người bệnh, điều trị và dự phòng bệnh tật, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

KNCN11. Phát hiện những vấn đề sức khỏe của cộng đồng, đề xuất biện pháp xử lý thích hợp, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe người bệnh, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường.

#### **4.2. Kỹ năng mềm**

KNM1. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, cộng đồng, đồng nghiệp và các bên liên quan

KNM2. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học cơ bản phục vụ học tập và công tác (tin học văn phòng, tra cứu tài liệu), và sử dụng được ít nhất một phần mềm thống kê.

KNM3. Có kỹ năng ngoại ngữ để hiểu được các tài liệu có liên quan tới y học dự phòng; giao tiếp được trong tình huống chuyên môn và viết được báo cáo có nội dung đơn giản liên quan tới y học dự phòng.

KNM4. Có khả năng tự tra cứu, tìm hiểu và tự học liên tục.

#### **5. Thái độ**

TĐ1. Tuân thủ các quan điểm chỉ đạo của Nhà nước trong công tác y tế.

TĐ2. Coi trọng vệ sinh phòng bệnh và phòng chống dịch.

TĐ3. Tôn trọng, cảm thông và tận tụy phục vụ người bệnh; quan tâm đến sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

TĐ4. Tôn trọng và chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng về các nhu cầu sức khỏe và các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.

TĐ5. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

TĐ6. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

TĐ7. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

**6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Các cơ sở khám chữa bệnh
- Các trung tâm y tế
- Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh (CDC)
- Các cơ quan, tổ chức cộng đồng
- Các nhà máy, công ty
- Các tổ chức quản lý chăm sóc sức khỏe
- Các cơ sở đào tạo: Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Y và ngành liên quan
- Các cơ quan, tổ chức liên quan tới y tế
- Các viện, cơ quan nghiên cứu trong lĩnh vực y học và sức khỏe

**7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có khả năng và trình độ để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa I, chuyên khoa II) theo các chuyên ngành: Y học dự phòng, Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Sức khỏe nghề nghiệp, Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế.

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải



**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN  
HỆ CHÍNH QUY 6 NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- Ngành đào tạo:** Y học cổ truyền (Traditional Medicine)
- Trình độ đào tạo:** Đại học
- Về kiến thức**

**Trình bày và áp dụng được:**

- 1.1.1. Những quy luật cơ bản về:

- Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý theo Y học hiện đại và y học cổ truyền.

- Các biện pháp duy trì và cải thiện đời sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng các phương pháp y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

- Lý luận cơ bản của y học cổ truyền Phương Đông.

1.1.2. Những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh theo y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

1.1.3. Luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.1.4. Phương pháp luận khoa học trong y học cổ truyền đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

**4. Về kỹ năng**

1.2.1. Khám, chẩn đoán, điều trị được một số bệnh và chứng bệnh thường gặp bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

1.2.2. Phát hiện và xử lý ban đầu được một số bệnh cấp cứu thông thường.

1.2.3. Chỉ định và hiểu rõ ý nghĩa một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản cho các bệnh thường gặp.

1.2.4. Làm được bệnh án y học cổ truyền và y học hiện đại để điều trị thích hợp cho từng bệnh nhân (biện chứng luận trị).

1.2.5. Thực hiện được các thủ thuật điều trị như: Châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh, thực hành bệnh viện (băng bó vết thương, cố định tạm thời, tiêm chích, lấy bệnh phẩm, chọc dò,...) bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại khi cần thiết.

1.2.6. Làm một số thủ thuật (Bộ Y tế cho phép) chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.



1.2.7. Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ

1.2.8. Tham gia và thực hiện được các chương trình tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc sức khỏe ban đầu, công tác dự phòng tại các cơ sở y tế nhất là chương trình y học cổ truyền như thừa kế, xã hội hóa, phát triển y học cổ truyền, cũng như giám sát và đánh giá được các công tác y học cổ truyền tại địa phương.

1.2.9. Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận các vấn đề theo phương pháp luận khoa học của y học hiện đại và y học cổ truyền.

1.2.10. Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho NCKH, nâng cao trình độ chuyên môn.

## 5. Về thái độ

1.3.1. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

1.3.2. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3.3. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng đầy đủ các yêu cầu nghề nghiệp

1.3.4. Trung thực, khách quan, khiêm tốn học tập nâng cao trình độ, có tinh thần nghiên cứu khoa học

1.3.5. Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

## 6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Bác sĩ tại các bệnh viện đa khoa và các sở y tế và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng NG HỌC SƠC HỒNG

Bác sĩ y học cổ truyền

## 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Bác sĩ nội trú
- Bác sĩ chuyên khoa I
- Bác sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ Y học
- Tiến sĩ Y học

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH DƯỢC HỌC  
HỆ CHÍNH QUY 4 NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

**1. Ngành đào tạo:** Dược học (Pharmacy)

**2. Trình độ đào tạo:** Đại học

**3. Về kiến thức**

**KT1:** Có kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng và thực hiện đúng theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

**KT2:** Đạt trình độ tiếng Anh theo quy định

**KT3:** Có kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê, và sử dụng được một số phần mềm thông dụng trong tìm kiếm, trao đổi thông tin và thực hành nghề nghiệp

**KT4:** Vận dụng được kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong, sản xuất, cung ứng, bảo quản, kiểm tra chất lượng và hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm.

**KT5:** Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và phát triển thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm từ nguyên liệu tổng hợp, bán tổng hợp, sinh tổng hợp, dược liệu trên cạn và dược liệu biển.

**KT6:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về y dược học cơ sở và lâm sàng trong hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc cho cán bộ y tế và người bệnh.

**KT7:** Phân tích và đánh giá được tính hợp lý về lựa chọn, sử dụng thuốc trong đơn thuốc, bệnh án.

**KT8:** Có kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, luật Dược, và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược.

**KT9:** Vận dụng các kiến thức về quản lý và cung ứng thuốc trong việc xác định nhu cầu, lựa chọn và mua sắm, phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc.

**KT10:** Vận dụng các kiến thức về marketing, marketing dược phẩm và các kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế Dược trong hoạt động của doanh nghiệp Dược

**KT11:** Có kiến thức cơ bản về độc chất và ảnh hưởng của độc chất tới môi trường, sức khỏe con người và các phương pháp phân tích chất độc trong mẫu sinh học, thực phẩm, mỹ phẩm

#### 4. Về kỹ năng

**KN1 :** Có khả năng giao tiếp Tiếng Anh thông thường, đọc, hiểu, và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

**KN2:** Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích, kiểm tra chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.

**KN3:** Xây dựng, đánh giá và thực hiện được quy trình bào chế, sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc, dạng thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm.

**KN4:** Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của các thành phần trong công thức, quy trình bào chế, sản xuất đến độ ổn định, độ an toàn, sinh khả dụng và hiệu quả điều trị của thuốc, mỹ phẩm.

**KN5 :** Thực hiện được việc tổ chức và pha chế một số thuốc tại cơ sở điều trị

**KN6:** Thực hiện được qui trình thông tin thuốc và tư vấn cho cán bộ y tế và người bệnh lựa chọn, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý

**KN7:** Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện các danh mục thuốc và quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc.

**KN 8:** Giao tiếp có hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và cộng đồng. Phối hợp tốt với cán bộ y tế để triển khai các hoạt động thực hành được lâm sàng

**KN9:** Triển khai được các hoạt động sản xuất, cung ứng, bảo quản, kiểm tra chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc theo các quy định được nhà nước ban hành.

**KN10:** Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về Dược và kiểm tra thực hiện các văn bản đó

**KN11:** Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.

**KN12:** Vận dụng được một số phương pháp phân tích thống kê được để thực hiện các quy trình, thủ tục trong lựa chọn, mua sắm thuốc theo quy định tại nơi làm việc và chính sách y tế của địa phương.

**KN13:** Có khả năng lựa chọn chiến lược, quản trị kinh doanh dược và kinh tế y tế phù hợp

**KN14:** Phối hợp được với các bên liên quan để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

#### 5. Về thái độ

**TĐ1:** Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi, lợi ích của người bệnh và cộng đồng

**TĐ2:** Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

**TĐ3:** Cộng tác với đồng nghiệp và đối tác dựa trên các nguyên tắc chân thành, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, đàm phán, thương lượng. Có tinh thần cầu tiến, đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

**TĐ4:** Ý thức được tầm quan trọng của hành nghề chuyên nghiệp dựa trên nguyên tắc công bằng, không phân biệt các thành phần xã hội, tinh thần tự học cập nhật kiến thức liên tục suốt đời.

**TĐ5:** Coi trọng việc kết hợp kiến thức y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền, có ý thức bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên.

**TĐ6:** Tuân thủ pháp luật Việt Nam, luật dược, và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế,

**TĐ7:** Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.

## 6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe có yêu cầu sử dụng dược sỹ.

- Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn Dược.

## 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Dược sĩ chuyên khoa I
- Dược sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ dược học
- Tiến sĩ dược học

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH DƯỢC HỌC  
HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY - 2.5 NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- 1. Ngành đào tạo:** Dược học (Pharmacy)
- 2. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 3. Về kiến thức**

**KT1:** Có kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng và thực hiện đúng theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

**KT2:** Đạt trình độ tiếng Anh theo quy định

**KT3:** Có kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê, và sử dụng được một số phần mềm thông dụng trong tìm kiếm, trao đổi thông tin và thực hành nghề nghiệp

**KT4:** Vận dụng được kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong, sản xuất, cung ứng, bảo quản, kiểm tra chất lượng và hướng dẫn sử dụng thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm.

**KT5:** Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và phát triển thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Mỹ phẩm từ nguyên liệu tổng hợp, bán tổng hợp, sinh tổng hợp, dược liệu trên cạn và dược liệu biển.

**KT6:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về y dược học cơ sở và lâm sàng trong hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc cho cán bộ y tế và người bệnh.

**KT7:** Phân tích và đánh giá được tính hợp lý về lựa chọn, sử dụng thuốc trong đơn thuốc, bệnh án.

**KT8:** Có kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, luật Dược, và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược.

**KT9:** Vận dụng các kiến thức về quản lý và cung ứng thuốc trong việc xác định nhu cầu, lựa chọn và mua sắm, phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc.

**KT10:** Vận dụng các kiến thức về marketing, marketing dược phẩm và các kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế Dược trong hoạt động của doanh nghiệp Dược

**KT11:** Có kiến thức cơ bản về độc chất và ảnh hưởng của độc chất tới môi trường, sức khỏe con người và các phương pháp phân tích chất độc trong mẫu sinh học, thực phẩm, mỹ phẩm

#### 4. Về kỹ năng

**KN1 :** Có khả năng giao tiếp Tiếng Anh thông thường, đọc, hiểu, và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

**KN2:** Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích, kiểm tra chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.

**KN3:** Xây dựng, đánh giá và thực hiện được quy trình bào chế, sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc, dạng thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm.

**KN4:** Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của các thành phần trong công thức, quy trình bào chế, sản xuất đến độ ổn định, độ an toàn, sinh khả dụng và hiệu quả điều trị của thuốc, mỹ phẩm.

**KN5 :** Thực hiện được việc tổ chức và pha chế một số thuốc tại cơ sở điều trị

**KN6:** Thực hiện được qui trình thông tin thuốc và tư vấn cho cán bộ y tế và người bệnh lựa chọn, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý

**KN7:** Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện các danh mục thuốc và quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc.

**KN 8:** Giao tiếp có hiệu quả với cán bộ y tế, người bệnh và cộng đồng. Phối hợp tốt với cán bộ y tế để triển khai các hoạt động thực hành được lâm sàng

**KN9:** Triển khai được các hoạt động sản xuất, cung ứng, bảo quản, kiểm tra chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc theo các quy định được nhà nước ban hành.

**KN10:** Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về Dược và kiểm tra thực hiện các văn bản đó

**KN11:** Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.

**KN12:** Vận dụng được một số phương pháp phân tích thống kê được để thực hiện các quy trình, thủ tục trong lựa chọn, mua sắm thuốc theo quy định tại nơi làm việc và chính sách y tế của địa phương.

**KN13:** Có khả năng lựa chọn chiến lược, quản trị kinh doanh dược và kinh tế y tế phù hợp

**KN14:** Phối hợp được với các bên liên quan để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

#### 5. Về thái độ

**TĐ1:** Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi, lợi ích của người bệnh và cộng đồng

**TĐ2:** Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.



**TĐ3:** Cộng tác với đồng nghiệp và đối tác dựa trên các nguyên tắc chân thành, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, đàm phán, thương lượng. Có tinh thần cầu tiến, đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

**TĐ4:** Ý thức được tầm quan trọng của hành nghề chuyên nghiệp dựa trên nguyên tắc công bằng, không phân biệt các thành phần xã hội, tinh thần tự học cập nhật kiến thức liên tục suốt đời.

**TĐ5:** Coi trọng việc kết hợp kiến thức y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền, có ý thức bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên.

**TĐ6:** Tuân thủ pháp luật Việt Nam, luật dược, và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế,

**TĐ7:** Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.

#### **6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe có yêu cầu sử dụng dược sỹ.

- Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn Dược.

#### **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Dược sĩ chuyên khoa I
- Dược sĩ chuyên khoa II
- Thạc sĩ dược học
- Tiến sĩ dược học

**HIỆU TRƯỞNG**



**HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. *Nguyễn Văn Khải*

## CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC HỆ CHÍNH QUY 4 NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số:783/QĐ-YDHP ngày 31. tháng 7. năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- 1. Ngành đào tạo:** Xét nghiệm y học (Laboratory Medicine Technique)
- 2. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 3. Về kiến thức**

KT1. Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Xét nghiệm y học nói riêng.

KT2. Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành xét nghiệm y học.

KT3. Có kiến thức tổng quan về con người; kiến thức cơ sở chuyên ngành làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học.

KT4. Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành xét nghiệm y học.

KT5. Giải thích được nguyên lý và cơ chế của một số xét nghiệm y học thông thường.

KT6. Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

### 4. Về kỹ năng

#### 4.1. Kỹ năng chuyên ngành

KNCN1. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học truyền máu, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Miễn dịch, Tế bào và Giải phẫu bệnh thông thường. Đọc và phân tích chính xác kết quả các xét nghiệm.

KNCN2. Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.

KNCN3. Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.

KNCN4. Sử dụng và bảo quản được một số trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm trong phòng xét nghiệm y học.

KNCN5. Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

KNCN6. Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y học.

KNCN7. Tham gia chỉ đạo tuyển và phòng chống dịch.

KNCN8. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

KNCN9. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

KNCN10. Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

KNCN11. Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

#### **4.2. Kỹ năng mềm**

KNM1. Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm.

KNM2. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y.

KNM3. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học cơ bản phục vụ học tập và công tác (tin học văn phòng, tra cứu tài liệu).

KNM4. Có kỹ năng ngoại ngữ để hiểu được các tài liệu có liên quan tới kỹ thuật xét nghiệm; giao tiếp được trong tình huống chuyên môn và viết được báo cáo có nội dung đơn giản liên quan tới chuyên ngành xét nghiệm.

KNM5. Có khả năng tự tra cứu, tìm hiểu và tự học liên tục.

#### **5. Yêu cầu về Thái độ**

TĐ1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

TĐ2. Tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác.

TĐ3. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

TĐ4. Trung thực, khách quan, có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.

#### **6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Các Cơ sở khám chữa bệnh, các Trung tâm y tế.

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC), Các cơ quan, tổ chức cộng đồng, các nhà máy, công ty. Các tổ chức quản lý chăm sóc sức khỏe

- Các cơ sở đào tạo: Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp Y và ngành liên quan. Các cơ quan, tổ chức liên quan tới y tế

- Các Viện, cơ quan nghiên cứu trong lĩnh vực y học và sức khỏe

### 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hướng nghiên cứu: Thạc sĩ Xét nghiệm Y học, Tiến sĩ Xét nghiệm Y học

- Hướng điều trị: Chuyên khoa I, Chuyên khoa II Xét nghiệm y học

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải



**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH XÉT NGHIỆM Y HỌC**  
**HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC (CAO ĐẲNG – ĐẠI HỌC) – 2.5 NĂM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

1. **Ngành đào tạo:** Xét nghiệm y học (Laboratory Medicine Technique)
2. **Trình độ đào tạo:** Đại học
3. **Về kiến thức**

KT1. Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Xét nghiệm y học nói riêng.

KT2. Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành xét nghiệm y học.

KT3. Có kiến thức tổng quan về con người; kiến thức cơ sở chuyên ngành làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học.

KT4. Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành xét nghiệm y học.

KT5. Giải thích được nguyên lý và cơ chế của một số xét nghiệm y học thông thường.

KT6. Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

**4. Về kỹ năng**

**4.1. Kỹ năng chuyên ngành**

KNCN1. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm Huyết học truyền máu, Hóa sinh, Vi sinh, Ký sinh trùng, Miễn dịch, Tế bào và Giải phẫu bệnh thông thường. Đọc và phân tích chính xác kết quả các xét nghiệm.

KNCN2. Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên ngành.

KNCN3. Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.

KNCN4. Sử dụng và bảo quản được một số trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm trong phòng xét nghiệm y học.

KNCN5. Thực hiện, kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

KNCN6. Tham gia tổ chức và quản lý hoạt động của một phòng xét nghiệm y học.

KNCN7. Tham gia chỉ đạo tuyển và phòng chống dịch.

KNCN8. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

KNCN9. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

KNCN10. Tham gia nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.

KNCN11. Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

#### **4.2. Kỹ năng mềm**

KNM1. Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm.

KNM2. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y.

KNM3. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học cơ bản phục vụ học tập và công tác (tin học văn phòng, tra cứu tài liệu).

KNM4. Có kỹ năng ngoại ngữ để hiểu được các tài liệu có liên quan tới kỹ thuật xét nghiệm; giao tiếp được trong tình huống chuyên môn và viết được báo cáo có nội dung đơn giản liên quan tới chuyên ngành xét nghiệm.

KNM5. Có khả năng tự tra cứu, tìm hiểu và tự học liên tục.

#### **5. Yêu cầu về Thái độ**

TĐ1. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

TĐ2. Tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác.

TĐ3. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

TĐ4. Trung thực, khách quan, có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.

#### **6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Các Cơ sở khám chữa bệnh, các Trung tâm y tế.

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC), Các cơ quan, tổ chức cộng đồng, các nhà máy, công ty. Các tổ chức quản lý chăm sóc sức khỏe

- Các cơ sở đào tạo: Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp Y và ngành liên quan. Các cơ quan, tổ chức liên quan tới y tế

- Các Viện, cơ quan nghiên cứu trong lĩnh vực y học và sức khỏe

## 7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hướng nghiên cứu: Thạc sĩ Xét nghiệm Y học, Tiến sĩ Xét nghiệm Y học
- Hướng điều trị: Chuyên khoa I, Chuyên khoa II Xét nghiệm y học

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải



**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG  
HỆ CHÍNH QUY 4 NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:783/QĐ-YDHP ngày 31.tháng 7.năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

- 1. Ngành đào tạo:** Điều dưỡng (Nursing)
- 2. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 3. Yêu cầu về kiến thức**
  - 3.1. Khối kiến thức đại cương**

**KT1.1.** Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Điều dưỡng nói riêng.

**KT1.2.** Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**KT1.3.** Hiểu biết và vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong thực hành điều dưỡng.

**3.2. Khối kiến thức chuyên môn**

**KT2.1.** Có kiến thức tổng quát về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý. Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế cộng đồng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

**KT2.2.** Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tại bệnh viện và cộng đồng trong việc chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

**KT2.3.** Hiểu biết rõ 25 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam và các nước trên thế giới.... trong công tác chăm sóc người bệnh, công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng.

**KT2.4.** Có kiến thức về các quy định về pháp luật trong công tác khám chữa bệnh như: luật khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, giao tiếp ứng xử;

**KT2.5.** Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng.

#### 4. Yêu cầu Về kỹ năng

##### 4.1. Kỹ năng cung

❖ Theo 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam

CHUẨN NĂNG LỰC (CNL)	110 TIÊU CHÍ
<b>KN1. Lĩnh vực chăm sóc</b>	
1. Hiểu biết về tình trạng sức khỏe người bệnh	1. Xác định tình trạng sức khỏe 2. Giải thích tình trạng sức khỏe
2. Ra quyết định chăm sóc	1. Phân tích vấn đề sức khỏe 2. Ra quyết định chăm sóc 3. Thực hiện chăm sóc 4. Theo dõi khi chăm sóc
3. Xác định sức khỏe ưu tiên	1. Xác định sức khỏe ưu tiên 2. Can thiệp
4. Sử dụng quy trình Điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc	1. Nhận định người bệnh 2. Tổng hợp thông tin 3. Phân tích vấn đề sức khỏe 4. Lập kế hoạch chăm sóc 5. Giải thích cho người bệnh 6. Hướng dẫn người bệnh 7. Đánh giá chăm sóc 8. Hỗ trợ người bệnh xuất viện 9. Giáo dục sức khỏe
5. Tạo an toàn cho người bệnh	1. Biện pháp tạo an toàn 2. Đảm bảo thoải mái cho người bệnh 3. Đảm bảo kín đáo cho người bệnh
6. Tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình	1. Đủ các bước 2. Thành tạo 3. Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn
7. Dùng thuốc cho người bệnh an toàn	1. Hồi tiễn sử dụng thuốc 2. Nắm kỹ quy tắc dùng thuốc 3. Hướng dẫn sử dụng thuốc 4. Xử trí phản ứng thuốc 5. Biết tương tác thuốc 6. Nhận biết hiệu quả thuốc 7. Ghi chép đúng, đủ
8. Chăm sóc liên tục	1. Bàn giao chăm sóc, theo dõi 2. Phối hợp trong chăm sóc

	3. Có biện pháp thích hợp
9. Sơ cấp cứu	1. Phát hiện vấn đề cấp cứu 2. Ra quyết định xử trí kịp thời 3. Phối hợp trong xử trí 4. Xử trí đúng, nhanh chóng
10. Lập mối quan hệ với người bệnh	1. Tạo niềm tin cho người bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh 3. Lắng nghe người bệnh
11. Giao tiếp người bệnh có hiệu quả	1. Biết tâm lý người bệnh 2. Giao tiếp có hiệu quả 3. Dùng lời nói để giao tiếp hiệu quả 4. Hiểu văn hóa người bệnh để giao tiếp
12. Sử dụng kênh truyền thông để giao tiếp	1. Sử dụng phương tiện nghe nhìn 2. Sử dụng phương tiện giao tiếp
13. Cung cấp thông tin cho người bệnh	1. Xác định thông tin cần thiết 2. Chuẩn bị tâm lý người bệnh khi giao tiếp
14. Tổ chức giáo dục sức khỏe	1. Thu thập thông tin 2. Xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe 3. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe 4. Chuẩn bị tài liệu giáo dục sức khỏe 5. Thực hiện giáo dục sức khỏe 6. Đánh giá giáo dục sức khỏe
15. Làm việc nhóm	1. Duy trì mối quan hệ với nhóm 2. Hợp tác tốt 3. Tôn trọng nhau 4. Tôn trọng quyết định đồng nghiệp 5. Chia sẻ thông tin 6. Vai trò biện hộ cho người bệnh

## KN2. Lĩnh vực quản lý

	1. Biết quy chế quản lý bệnh án
16. Quản lý bệnh án	2. Bảo mật thông tin bệnh án 3. Ghi chép hồ sơ đúng nguyên tắc 4. Sử dụng hồ sơ đúng quy định
17. Quản lý công tác chăm sóc	1. Xác định công việc 2. Phân công nhiệm vụ 3. Điều phối công việc

		4. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả
		5. Sử dụng công nghệ thông tin
18. Quản lý trang thiết bị		1. Phát huy hiệu quả trang thiết bị
		2. Bảo trì trang thiết bị
		3. Vận hành trang thiết bị
19. Sử dụng nguồn lực tài chính		1. Biết hiệu quả kinh tế
		2. Xây dựng nguồn lực tài chính
20. Lập môi trường làm việc an toàn		1. Biết quy tắc làm việc an toàn
		2. Biết chính sách làm việc an toàn
		3. Quản lý môi trường chăm sóc
		4. Quản lý chất thải y tế
		5. Phòng cháy
		6. Hiểu biết sức khỏe nghề nghiệp
21. Cải tiến chất lượng chăm sóc		1. Đảm bảo chất lượng chăm sóc
		2. Khắc phục nguy cơ trong chăm sóc
		3. Nhận phản hồi từ người bệnh
		4. Áp dụng phương pháp cải tiến
		5. Tham gia hoạt động cải tiến
		6. Chia sẻ thông tin về người bệnh
		7. Bình phiếu chăm sóc
		8. Đề xuất về phương pháp chăm sóc
		9. Thực hành dựa vào bằng chứng
22. Nghiên cứu khoa học		1. Đưa ra vấn đề để nghiên cứu
		2. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học
		3. Sử dụng phần mềm thống kê y học
		4. Đề xuất sau nghiên cứu
		5. Chia sẻ kết quả sau nghiên cứu
		6. Ứng dụng kết quả nghiên cứu
23. Phát triển năng lực bản thân		1. Nguyễn vọng nâng cao trình độ
		2. Học tập liên tục
		3. Tham gia các hoạt động nghề nghiệp
		4. Quảng bá hình ảnh người Điều dưỡng
		5. Tích cực và thích nghi với đổi mới
		6. Chăm sóc theo tiêu chuẩn thực hành Điều dưỡng
		7. Đóng góp cho đồng nghiệp

	8. Đóng góp cho ngành nghề
<b>KN3. Lĩnh vực hành nghề</b>	
24. Hành nghề theo qui định pháp luật	1. Hành nghề theo pháp luật 2. Tuân thủ nội quy cơ quan 3. Thực hiện quy tắc ứng xử 4. Ghi chép về dữ liệu người bệnh
25. Hành nghề theo y đức	1. Chịu trách nhiệm khi hành nghề 2. Tuân thủ chuẩn y đức 3. Báo cáo thành thật khi vi phạm

**KN 4.** Phát hiện sớm dịch bệnh tại địa phương và tích cực tham gia phòng chống dịch.

#### **4.2. Kỹ năng mềm**

**KN 5 Kỹ năng giao tiếp, ứng xử:** Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT) như:

**KN 5.1.** Khi làm việc tại các cơ sở y tế:

**KN5.1.1.** Thực hiện nghiêm túc quy định tại các cơ sở cơ sở y tế.

**KN5.1.2.** Có đạo đức và lối sống lành mạnh.

**KN5.1.3.** Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.

**KN5.1.4.** Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

**KN5.2 .** Khi ứng xử giao tiếp:

**KN5.2.1.** Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh

**KN5.2.2.** Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

#### **KN6 Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp)**

**KN 6.1.** Giao tiếp được các tình huống cơ bản trong cuộc sống như văn hóa, xã hội, thể thao, chính trị...

**KN 6.2.** Giao tiếp được các tình huống cơ bản thuộc chuyên ngành

**KN 6.3.** Đọc hiểu và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành

#### **KN7.Trình độ tin học:**

**KN 7.1.** Thực hiện được các thao tác quản lý đối với các thư mục, tập tin trên máy tính.

**KN 7.2.** Sử dụng được các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm thông tin.

**KN 7.3.** Thực hiện được các thao tác soạn thảo, định dạng cơ bản trong Microsoft Word.

**KN 7.4.** Thực hiện được các thao tác tạo và định dạng bảng tính; sử dụng công thức và các hàm cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel.

**KN 7.5.** Thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft PowerPoint.

#### **KN 8.Kỹ năng làm việc nhóm:**

- Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập và nghiên cứu ca bệnh.

## **KN9 Kỹ năng làm việc tại cộng đồng**

**KN 9.1.** Giao tiếp được với cá nhân, hộ gia đình, cụm dân cư tại cộng đồng

**KN 9.2** Thực hiện được giáo dục sức khỏe và dinh dưỡng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng

**KN 9.3** Phát hiện được các vấn đề sức khỏe, lập quy trình điều dưỡng cộng đồng

**KN 9.4** Quản lý được hồ sơ sức khỏe, các nguồn lực, chương trình

**KN 9.5** Thực hiện, quản lý, giám sát các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, các dự án

**KN 9.6** Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu

## **KN 10.Kỹ năng xin việc**

**KN 10.1** Có kỹ năng viết đơn xin việc

**KN 10.2** Có kỹ năng trả lời phỏng vấn,

**KN 10.3** Có kỹ năng giao tiếp tốt, tạo thiện cảm ban đầu

**KN 10.4** Có kỹ năng thuyết trình, thương thuyết

## **5. Yêu cầu về thái độ**

### **5.1. Thực hiện đầy đủ 12 điều y đức:**

**TĐ1.1.** Có lương tâm và có trách nhiệm với nghề, yêu nghề và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn

**TĐ1.2.** Tôn trọng pháp luật và thực hiện đúng quy chế chuyên môn

**TĐ1.3.** Tôn trọng quyền lợi của người dân đến khám chữa bệnh, không phân biệt đối xử, lịch sự, nhã nhặn, trung thực.

**TĐ1.4.** Giao tiếp ứng xử lịch sự, giải thích nhẹ nhàng với người nhà người bệnh.

**TĐ1.5.** Cấp cứu khẩn trương, không đùn đẩy người bệnh.

**TĐ1.6.** Không rời bỏ vị trí khi đang làm việc

**TĐ1.7.** Có ý thức tổ chức kỷ luật; thận trọng; đảm bảo tính khoa học, tính chính xác trong công việc.

**TĐ1.8.** Giáo dục sức khỏe trước khi người bệnh xuất viện

**TĐ1.9.** Có thái độ đồng cảm, chia sẻ, an ủi người nhà người bệnh khi người bệnh tử vong.

**TĐ1.10.** Quan hệ tốt với đồng nghiệp.

**TĐ1.11.** Biết kiểm điểm và tự kiểm điểm bản thân khi mắc lỗi, không đùn đẩy trách nhiệm

**TĐ1.12.** Tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe.

### **5.2. Tuân thủ đúng 8 tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên**

**TĐ2.1.** Bảo đảm an toàn cho người bệnh

**TĐ2.2.** Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh

**TĐ2.3.** Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh

**TĐ2.4.** Trung thực khi hành nghề

**TĐ2.5.** Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề

**TĐ2.6.** Tự tôn nghề nghiệp

**TĐ2.7.** Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp

**TĐ2.8.** Cam kết với cộng đồng và xã hội

#### **6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Người có bằng cử nhân điều dưỡng có năng lực làm việc tại:
- Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập
- Các cơ sở đào tạo nhân lực y tế
- Các trung tâm, viện nghiên cứu về Điều dưỡng

#### **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Định hướng chuyên khoa
- Thạc sĩ điều dưỡng và lên tiến sĩ điều dưỡng
- Chuyên khoa cấp I, cấp II về điều dưỡng
- Các chuyên ngành sức khỏe có liên quan

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

**CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**  
**HỆ LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC (CAO ĐẲNG – ĐẠI HỌC) – 2,5 NĂM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 783/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

**1. Ngành đào tạo: Điều dưỡng (Nursing)**

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

**3.1. Khối kiến thức đại cương**

**KT1.1.** Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Điều dưỡng nói riêng.

**KT1.2.** Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**KT1.3.** Hiểu biết và vận dụng kiến thức về tâm lý y học trong thực hành điều dưỡng.

**3.2. Khối kiến thức chuyên môn**

**KT2.1.** Có kiến thức tổng quát về cấu tạo và chức năng của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý. Áp dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế cộng đồng và kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

**KT2.2.** Phân tích và vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng, các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tại bệnh viện và cộng đồng trong việc chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

**KT2.3.** Hiểu biết rõ 25 tiêu chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam và các nước trên thế giới.... trong công tác chăm sóc người bệnh, công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng.

**KT2.4.** Có kiến thức về các quy định về pháp luật trong công tác khám chữa bệnh như: luật khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, chăm sóc người bệnh, giao tiếp ứng xử;

**KT2.5.** Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác điều dưỡng.

#### 4. Yêu cầu Về kỹ năng

##### 4.1. Kỹ năng cung

❖ Theo 25 chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam

CHUẨN NĂNG LỰC (CNL)	110 TIÊU CHÍ
<b>KN1. Lĩnh vực chăm sóc</b>	
1. Hiểu biết về tình trạng sức khỏe người bệnh	1. Xác định tình trạng sức khỏe 2. Giải thích tình trạng sức khỏe
2. Ra quyết định chăm sóc	1. Phân tích vấn đề sức khỏe 2. Ra quyết định chăm sóc 3. Thực hiện chăm sóc 4. Theo dõi khi chăm sóc
3. Xác định sức khỏe ưu tiên	1. Xác định sức khỏe ưu tiên 2. Can thiệp
4. Sử dụng quy trình Điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc	1. Nhận định người bệnh 2. Tổng hợp thông tin 3. Phân tích vấn đề sức khỏe 4. Lập kế hoạch chăm sóc 5. Giải thích cho người bệnh 6. Hướng dẫn người bệnh 7. Đánh giá chăm sóc 8. Hỗ trợ người bệnh xuất viện 9. Giáo dục sức khỏe
5. Tạo an toàn cho người bệnh	1. Biện pháp tạo an toàn 2. Đảm bảo thoải mái cho người bệnh 3. Đảm bảo kín đáo cho người bệnh
6. Tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình	1. Đủ các bước 2. Thành tạo 3. Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn
7. Dùng thuốc cho người bệnh an toàn	1. Hồi tiền sử dị ứng thuốc 2. Nắm kỹ quy tắc dùng thuốc 3. Hướng dẫn sử dụng thuốc 4. Xử trí phản ứng thuốc 5. Biết tương tác thuốc 6. Nhận biết hiệu quả thuốc 7. Ghi chép đúng, đủ
8. Chăm sóc liên tục	1. Bàn giao chăm sóc, theo dõi 2. Phối hợp trong chăm sóc

	3. Có biện pháp thích hợp
9. Sơ cấp cứu	1. Phát hiện vấn đề cấp cứu 2. Ra quyết định xử trí kịp thời 3. Phối hợp trong xử trí 4. Xử trí đúng, nhanh chóng
10. Lập mối quan hệ với người bệnh	1. Tạo niềm tin cho người bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh 3. Lắng nghe người bệnh
11. Giao tiếp người bệnh có hiệu quả	1. Biết tâm lý người bệnh 2. Giao tiếp có hiệu quả 3. Dùng lời nói để giao tiếp hiệu quả 4. Hiểu văn hóa người bệnh để giao tiếp
12. Sử dụng kênh truyền thông để giao tiếp	1. Sử dụng phương tiện nghe nhìn 2. Sử dụng phương tiện giao tiếp
13. Cung cấp thông tin cho người bệnh	1. Xác định thông tin cần thiết 2. Chuẩn bị tâm lý người bệnh khi giao tiếp
14. Tổ chức giáo dục sức khỏe	1. Thu thập thông tin 2. Xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe 3. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe 4. Chuẩn bị tài liệu giáo dục sức khỏe 5. Thực hiện giáo dục sức khỏe 6. Đánh giá giáo dục sức khỏe
15. Làm việc nhóm	1. Duy trì mối quan hệ với nhóm 2. Hợp tác tốt 3. Tôn trọng nhau 4. Tôn trọng quyết định đồng nghiệp 5. Chia sẻ thông tin 6. Vai trò biện hộ cho người bệnh

## KN2. Lĩnh vực quản lý

16. Quản lý bệnh án	1. Biết quy chế quản lý bệnh án 2. Bảo mật thông tin bệnh án 3. Ghi chép hồ sơ đúng nguyên tắc 4. Sử dụng hồ sơ đúng quy định
17. Quản lý công tác chăm sóc	1. Xác định công việc 2. Phân công nhiệm vụ 3. Điều phối công việc 4. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả

		5. Sử dụng công nghệ thông tin
18. Quản lý trang thiết bị		1. Phát huy hiệu quả trang thiết bị
		2. Bảo trì trang thiết bị
		3. Vận hành trang thiết bị
19. Sử dụng nguồn lực tài chính		1. Biết hiệu quả kinh tế
		2. Xây dựng nguồn lực tài chính
20. Lập môi trường làm việc an toàn		1. Biết quy tắc làm việc an toàn
		2. Biết chính sách làm việc an toàn
		3. Quản lý môi trường chăm sóc
		4. Quản lý chất thải y tế
		5. Phòng cháy
		6. Hiểu biết sức khỏe nghề nghiệp
21. Cải tiến chất lượng chăm sóc		1. Đảm bảo chất lượng chăm sóc
		2. Khắc phục nguy cơ trong chăm sóc
		3. Nhận phản hồi từ người bệnh
		4. Áp dụng phương pháp cải tiến
		5. Tham gia hoạt động cải tiến
		6. Chia sẻ thông tin về người bệnh
		7. Bình phiếu chăm sóc
		8. Đề xuất về phương pháp chăm sóc
		9. Thực hành dựa vào bằng chứng
22. Nghiên cứu khoa học		1. Dưa ra vấn đề để nghiên cứu
		2. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học
		3. Sử dụng phần mềm thống kê y học
		4. Đề xuất sau nghiên cứu
		5. Chia sẻ kết quả sau nghiên cứu
		6. Ứng dụng kết quả nghiên cứu
		1. Nguyệt vọng nâng cao trình độ
		2. Học tập liên tục
		3. Tham gia các hoạt động nghề nghiệp
		4. Quảng bá hình ảnh người Điều dưỡng
		5. Tích cực và thích nghi với đổi mới
23. Phát triển năng lực bản thân		6. Chăm sóc theo tiêu chuẩn thực hành Điều dưỡng
		7. Đóng góp cho đồng nghiệp
		8. Đóng góp cho ngành nghề

KN3. Lĩnh vực hành nghề	
24. Hành nghề theo qui định pháp luật	1. Hành nghề theo pháp luật
	2. Tuân thủ nội quy cơ quan
	3. Thực hiện quy tắc ứng xử
	4. Ghi chép về dữ liệu người bệnh
25. Hành nghề theo y đức	1. Chịu trách nhiệm khi hành nghề
	2. Tuân thủ chuẩn y đức
	3. Báo cáo thành thật khi vi phạm

**KN 4.** Phát hiện sớm dịch bệnh tại địa phương và tích cực tham gia phòng chống dịch.

#### **4.2. Kỹ năng mềm**

**KN 5 Kỹ năng giao tiếp, ứng xử:** Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT) như:

**KN 5.1.** Khi làm việc tại các cơ sở y tế:

**KN5.1.1.** Thực hiện nghiêm túc quy định tại các cơ sở cơ sở y tế.

**KN5.1.2.** Có đạo đức và lối sống lành mạnh.

**KN5.1.3.** Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.

**KN5.1.4.** Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

**KN5.2 .** Khi ứng xử giao tiếp:

**KN5.2.1.** Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh

**KN5.2.2.** Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh.

#### **KN6 Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp)**

**KN 6.1.** Giao tiếp được các tình huống cơ bản trong cuộc sống như văn hóa, xã hội, thể thao, chính trị...

**KN 6.2.** Giao tiếp được các tình huống cơ bản thuộc chuyên ngành

**KN 6.3.** Đọc hiểu và tham khảo được một số tài liệu chuyên ngành

#### **KN7.Trình độ tin học:**

**KN 7.1.** Thực hiện được các thao tác quản lý đối với các thư mục, tập tin trên máy tính.

**KN 7.2.** Sử dụng được các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm thông tin.

**KN 7.3.** Thực hiện được các thao tác soạn thảo, định dạng cơ bản trong Microsoft Word.

**KN 7.4.** Thực hiện được các thao tác tạo và định dạng bảng tính; sử dụng công thức và các hàm cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel.

**KN 7.5.** Thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft PowerPoint.

#### **KN 8.Kỹ năng làm việc nhóm:**

- Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập và nghiên cứu ca bệnh.

#### **KN9 Kỹ năng làm việc tại cộng đồng**

**KN 9.1.** Giao tiếp được với cá nhân, hộ gia đình, cụm dân cư tại cộng đồng

**KN 9.2** Thực hiện được giáo dục sức khỏe và dinh dưỡng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng

**KN 9.3** Phát hiện được các vấn đề sức khỏe, lập quy trình điều dưỡng cộng đồng

**KN 9.4** Quản lý được hồ sơ sức khỏe, các nguồn lực, chương trình

**KN 9.5** Thực hiện, quản lý, giám sát các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, các dự án

**KN 9.6** Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu

## **KN 10. Kỹ năng xin việc**

**KN 10.1** Có kỹ năng viết đơn xin việc

**KN 10.2** Có kỹ năng trả lời phỏng vấn,

**KN 10.3** Có kỹ năng giao tiếp tốt, tạo thiện cảm ban đầu

**KN 10.4** Có kỹ năng thuyết trình, thương thuyết

## **5. Yêu cầu về thái độ**

### **5.1. Thực hiện đầy đủ 12 điều y đức:**

**TĐ1.1.** Có lương tâm và có trách nhiệm với nghề, yêu nghề và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn

**TĐ1.2.** Tôn trọng pháp luật và thực hiện đúng quy chế chuyên môn

**TĐ1.3.** Tôn trọng quyền lợi của người dân đến khám chữa bệnh, không phân biệt đối xử, lịch sự, nhã nhặn, trung thực.

**TĐ1.4.** Giao tiếp ứng xử lịch sự, giải thích nhẹ nhàng với người nhà người bệnh.

**TĐ1.5.** Cấp cứu khẩn trương, không đùn đẩy người bệnh.

**TĐ1.6.** Không rời bỏ vị trí khi đang làm việc

**TĐ1.7.** Có ý thức tổ chức kỷ luật; thận trọng; đảm bảo tính khoa học, tính chính xác trong công việc.

**TĐ1.8.** Giáo dục sức khỏe trước khi người bệnh xuất viện

**TĐ1.9.** Có thái độ đồng cảm, chia sẻ, an ủi người nhà người bệnh khi người bệnh tử vong.

**TĐ1.10.** Quan hệ tốt với đồng nghiệp.

**TĐ1.11.** Biết kiểm điểm và tự kiểm điểm bản thân khi mắc lỗi, không đùn đẩy trách nhiệm

**TĐ1.12.** Tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe.

### **5.2. Tuân thủ đúng 8 tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên**

**TĐ2.1.** Bảo đảm an toàn cho người bệnh

**TĐ2.2.** Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh

**TĐ2.3.** Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh

**TĐ2.4.** Trung thực khi hành nghề

**TĐ2.5.** Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề

**TĐ2.6.** Tự tôn nghề nghiệp

**TĐ2.7.** Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp

**TĐ2.8.** Cam kết với cộng đồng và xã hội

**6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Người có bằng cử nhân điều dưỡng có năng lực làm việc tại:
- Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập
- Các cơ sở đào tạo nhân lực y tế
- Các trung tâm, viện nghiên cứu về Điều dưỡng

**7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Định hướng chuyên khoa
- Thạc sĩ điều dưỡng và lên tiến sĩ điều dưỡng
- Chuyên khoa cấp I, cấp II về điều dưỡng
- Các chuyên ngành sức khỏe có liên quan

**HIỆU TRƯỞNG**



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Khải